

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Phương án tự chủ, tự chịu trách nhiệm
về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính
của Bệnh viện Đa khoa Khu vực Tây Bắc Nghệ An giai đoạn 2017 - 2019**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 23/11/2009;
Căn cứ Nghị định số 85/2012/NĐ-CP ngày 15/10/2012 của Chính phủ về cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập và giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập;
Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;
Căn cứ Thông tư số 37/2015/TTLT-BYT-BTC ngày 29/10/2015 của Bộ Y tế và Bộ Tài chính quy định thống nhất giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế giữa các bệnh viện cùng hạng trên toàn quốc;
Xét đề nghị của Sở Y tế tại Tờ trình số 1114/TTr-SYT ngày 08/5/2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính cho Bệnh viện Đa khoa Khu vực Tây Bắc Nghệ An giai đoạn 2017 - 2019 (có Phương án cụ thể kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Y tế, Tài chính; Kế hoạch và Đầu tư; Nội vụ; Bảo hiểm xã hội tỉnh; Giám đốc Bệnh viện Đa khoa Khu vực Tây Bắc Nghệ An và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ Y tế; Bộ Tài chính (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các PVP UBND tỉnh;
- CV: VX (c. Hương);
- Cổng TTĐT Nghệ An;
- Công báo Nghệ An;
- Lưu: VT, UB.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Minh Thông

Nghệ An, ngày 15 tháng 5 năm 2017

PHƯƠNG ÁN

**TỰ CHỦ, TỰ CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ, TỔ CHỨC BỘ MÁY, NHÂN SỰ VÀ TÀI CHÍNH GIAI ĐOẠN (2017 - 2019)
ĐƠN VỊ: BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC TÂY BẮC TỈNH NGHỆ AN.
LOẠI HÌNH: ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP TỰ ĐẢM BẢO CHI THƯỜNG XUYÊN
(Kèm theo Quyết định số 1989 /QĐ-UBND ngày 15/5/2017 của UBND tỉnh)**

Phần I

SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ

I. THỰC TRẠNG BỆNH VIỆN ĐKKV TÂY BẮC

1. Về chức năng nhiệm vụ được giao

Bệnh viện Đa khoa khu vực Tây Bắc tỉnh Nghệ An là Bệnh viện hạng II tuyến tỉnh, trực thuộc Sở Y tế Nghệ An, chịu sự quản lý, chỉ đạo trực tiếp về tổ chức và hoạt động của Sở Y tế. Bệnh viện Đa khoa Khu vực Tây Bắc Nghệ An có nhiệm vụ: khám bệnh, chữa bệnh cho nhân dân Thị xã Thái Hòa, khu vực Tây Bắc và nhân dân cùng tuyến khám, chữa bệnh trong và ngoài tỉnh; Là cơ sở đào tạo thực hành cho Trường Đại học Y khoa Vinh; Thực hiện chỉ đạo tuyến dưới (TYT phường, xã khu vực Tây Bắc Nghệ An) về công tác phòng chống dịch bệnh.

Trong thời gian qua, Bệnh viện hoạt động theo cơ chế tự chủ theo Nghị định 43/2006/NĐ-CP, loại hình đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm một phần chi phí hoạt động thường xuyên (Thuộc nhóm III theo phân loại quy định tại Nghị định số 85/2012/NĐ-CP).

2. Về tổ chức bộ máy, biên chế

a) Tổ chức bộ máy

Hiện có 21 khoa, phòng, bao gồm:

- Ban Giám đốc: 03 người (01 Giám đốc, 02 Phó Giám đốc);
- Phòng chức năng: 06 phòng, bao gồm:
 - + Phòng Kế hoạch tổng hợp;
 - + Phòng Tổ chức cán bộ;
 - + Phòng Tài chính kế toán;
 - + Phòng Hành chính quản trị;

- + Phòng Điều dưỡng.
- + Phòng Vật tư - Thiết bị y tế.
- Khoa lâm sàng: 11 khoa, bao gồm:
 - + Khoa Nội tổng hợp;
 - + Khoa Ngoại tổng hợp;
 - + Khoa Nhi;
 - + Khoa Y học cổ truyền - PHCN;
 - + Khoa Khám bệnh;
 - + Khoa Hồi sức cấp cứu;
 - + Khoa Phụ sản;
 - + Khoa Truyền nhiễm;
 - + Khoa Phẫu thuật – Gây mê Hồi sức;
 - + Khoa Mắt.
- + Liên chuyên khoa Tai Mũi Họng – Răng Hàm Mặt.

- Khoa cận lâm sàng: 04 khoa, bao gồm:

- + Khoa Chẩn đoán hình ảnh;
- + Khoa Xét nghiệm;
- + Khoa Dược;
- + Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn;

b) Biên chế, cơ cấu cán bộ

- Tổng số cán bộ, viên chức hiện có: 295 người (Cán bộ hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP là 07 người).

- + Bác sỹ: 70 người (Bs CKII: 04 người; Bs CKI: 22 người);
- + Điều dưỡng, KTV, NHS: 170 người (Thạc sỹ: 01, ĐH: 12; CĐ: 92; TC: 65);
- + Dược sỹ: 13 (Thạc sỹ Dược: 01, DS CKI: 01, DS ĐH: 01, DS TH: 10);
- + Đại học khác: 15; Cán bộ khác: 20.

3. Về cơ sở vật chất- Trang thiết bị

a) Về cơ sở vật chất:

Bệnh viện được xây dựng trên diện tích: 22.000 m², bao gồm 08 khu nhà:

- Nhà số 1(3 tầng): Khoa Khám bệnh; hồi sức cấp cứu, Các phòng chức năng và Ban Giám đốc;
- Nhà số 2(5 tầng): Nhà khám và điều trị nội trú, kỹ thuật nghiệp vụ.
- Nhà số 3(2 tầng): Khoa truyền nhiễm.
- Nhà số 4(1 tầng): Khoa KS chống nhiễm khuẩn, giặt là .
- Nhà số 5(1 tầng): Nhà tang lễ
- Nhà số 6(1 tầng): Nhà trung tâm ô xy
- Nhà số 7 (1 tầng): Nhà ăn.
- Nhà số 8: Nhà xe, ga ra nhân viên

b) Về trang thiết bị y tế: (Chi tiết tại Phụ lục 01 kèm theo).



Trang thiết bị y tế của Bệnh viện hiện nay cơ bản đáp ứng tốt cho công tác khám chữa bệnh theo quy định của Bộ Y tế. Hiện tại, Bệnh viện có 150 loại máy móc, trang thiết bị, trong đó có một số trang thiết bị công nghệ cao, như: Máy chụp CT.Scanner 16 lát cắt, máy chụp XQ kỹ thuật số, máy siêu âm tim-Doppler mạch, Máy xét nghiệm sinh hóa, Máy xét nghiệm miễn dịch

Ngoài ra Bệnh viện trang bị đầy đủ các loại máy hấp, sấy, giặt là tại Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn; Hệ thống xử lý chất thải lỏng; Hệ thống Oxy- khí nén trung tâm và mạng Lan nội bộ...

4. Về kết quả thực hiện chỉ tiêu, kế hoạch và nhiệm vụ được giao

- Số giường bệnh theo chỉ tiêu năm 2016: 270 giường;
- Số giường bệnh thực kê trong năm 2016: 453 giường;
- Công suất sử dụng giường bệnh trung bình trong 03 năm (2014- 2016) theo giường bệnh kế hoạch là: 144,7%;

Cụ thể:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
1	Giường bệnh kế hoạch	giường	260	270	270
	Giường bệnh thực kê	giường	331	343	353
2	Công suất sử dụng giường bệnh KH	%	128,6	136,4	179,2
3	Tổng số khám bệnh	Lượt	96.970	104.832	169.902
4	Tổng số điều trị nội trú	Lượt	23.195	25215	29.783
5	Tổng số điều trị ngoại trú	BN	1.980	1002	945
8	Ngày điều trị trung bình BN nội trú	Ngày	5,3	5,1	5,8
9	Tổng số ca phẫu thuật, trong đó:	Ca	4.332	5544	6.494
10	Tổng số thủ thuật	Ca	39.480	57.591	78.292
11	Tỉ lệ chuyển tuyến	%	1,8	2,1	2,4
12	Ngày điều trị nội trú	ngày	122.065	129.391	174.362

Thời gian qua, Bệnh viện Đa khoa Khu vực Tây Bắc Nghệ An đã tập trung xây dựng, cải tạo cơ sở vật chất, trang thiết bị, đào tạo nguồn nhân lực, phát triển nhiều kỹ thuật mới. Thực hiện đổi mới phong cách, thái độ phục vụ của cán bộ y tế hướng tới sự hài lòng người bệnh; Xây dựng bệnh viện “Xanh-Sạch-Đẹp” theo chỉ đạo của Bộ Y tế và UBND tỉnh; Từng bước cải thiện và nâng cao chất lượng khám chữa bệnh. Số lượng bệnh nhân đến khám bệnh trung bình là 700 lượt khám/ngày; Điều trị nội trú trung bình ở mức 450 bệnh nhân/ngày.

Bệnh viện là một trong những cơ sở khám chữa bệnh tin cậy của người dân khu vực Tây Bắc Nghệ An và một vùng lân cận của tỉnh Thanh hóa.

5. Về tình hình nguồn thu, chi tài chính của Bệnh viện giai đoạn 2014-2016 (Chi tiết tại Phụ lục 02 kèm theo).

Bệnh viện Đa khoa khu vực Tây Bắc Nghệ An có mức tự bảo đảm kinh phí hoạt động thường xuyên theo kế hoạch đạt 116 %. Theo cách xác định phân loại đơn vị sự nghiệp tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP của Chính Phủ, Bệnh viện đủ điều kiện được phân loại theo loại hình "Đơn vị có nguồn thu sự nghiệp tự bảo đảm được toàn bộ kinh phí hoạt động thường xuyên" (nhóm II).

II. CƠ SỞ PHÁP LÝ VÀ CĂN CỨ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN

- Luật quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước số 09/2009/QH12 của Quốc hội ngày 03/6/2008 và các văn bản, quy định của pháp luật có liên quan;

- Nghị định số 85/2012/NĐ-CP ngày 15/10/2012 của Chính phủ về cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập và giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập;

- Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

- Thông tư số 37/2015/TTLT-BYT-BTC ngày 29/10/2015 của Bộ Y tế và Bộ Tài chính Quy định thống nhất giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế giữa các bệnh viện cùng hạng trên toàn quốc;

- Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/03/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội – nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp;

- Quyết định số 4014/QĐ-UBND ngày 16/9/2008 của UBND tỉnh về việc thành lập Bệnh viện Đa khoa Khu vực Tây Bắc tỉnh Nghệ An.

Phần II

PHƯƠNG ÁN TỰ CHỦ GIAI ĐOẠN 2017- 2019

I. PHƯƠNG THỨC HOẠT ĐỘNG

Bệnh viện hoạt động theo loại hình “Đơn vị có nguồn thu sự nghiệp tự bảo đảm được toàn bộ kinh phí hoạt động thường xuyên” (thuộc nhóm II- phân loại đơn vị sự nghiệp y tế theo quy định của Nghị định số 85/2012/NĐ-CP ngày 15/10/2012 của Chính Phủ).

Giám đốc Bệnh viện chịu trách nhiệm trước Sở Y tế, UBND tỉnh và trước pháp luật đối với việc điều hành và kết quả về việc triển khai quyền tự chủ về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính của đơn vị. Bảo đảm chất lượng bệnh viện, dịch vụ khám chữa bệnh theo các tiêu chí, tiêu chuẩn hiện hành của Bộ Y tế.

Giám đốc Bệnh viện có trách nhiệm chỉ đạo xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Phương án tự chủ theo lộ trình được phê duyệt. Tổ chức tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm sau khi kết thúc Phương án. Đồng thời báo cáo Sở Y tế, UBND tỉnh kết quả thực hiện và những đề xuất về loại hình hoạt động của Bệnh viện trong thời gian tiếp theo.

II. PHƯƠNG ÁN CỤ THỂ

1. Tự chủ về thực hiện nhiệm vụ

a) Tự chủ trong xây dựng và thực hiện kế hoạch

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của đơn vị, hàng năm Bệnh viện chủ động xây dựng kế hoạch hoạt động và tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả. Định kỳ báo cáo Sở Y tế về kế hoạch và kết quả hoạt động (để theo dõi, kiểm tra và giám sát thực hiện).

Quy mô giường bệnh của Bệnh viện đến năm 2019: 300 giường bệnh theo lộ trình cụ thể như sau:

- Năm 2017: 290 Giường bệnh
- Năm 2018: 300 Giường bệnh
- Năm 2019: 300 Giường bệnh.

() Về phát triển giường bệnh xã hội hóa: Giao Sở Y tế chỉ đạo Bệnh viện xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện theo Nghị quyết số 93/NQ-CP ngày 15/12/2014 của Chính phủ về một số cơ chế, chính sách phát triển y tế.*

b) Tự chủ về tổ chức thực hiện nhiệm vụ

Chủ động quyết định các biện pháp để tổ chức thực hiện Kế hoạch hoạt động chuyên môn theo đúng quy định của pháp luật, trong đó chú trọng việc đảm bảo các điều kiện về nhân lực, chuyên môn nghiệp vụ, cơ sở vật chất, trang

thiết bị để thực hiện và cung cấp các dịch vụ đạt tiêu chuẩn, chất lượng cho người bệnh.

Bệnh viện thành lập Hội đồng chuyên môn, có trách nhiệm chỉ đạo xây dựng và phê duyệt các quy trình chuyên môn, phác đồ điều trị phù hợp với tình hình thực tế và triển khai áp dụng thống nhất trong toàn đơn vị.

Đối với việc triển khai các danh mục kỹ thuật: Trên cơ sở danh mục phân tuyến chuyên môn, kỹ thuật của Bộ Y tế và căn cứ vào tình hình thực tế, Bệnh viện lập hồ sơ, trình Sở Y tế thẩm định và phê duyệt danh mục kỹ thuật triển khai thực hiện tại đơn vị.

Bệnh viện được phép vay vốn của các tổ chức tín dụng, huy động vốn của cán bộ, viên chức trong đơn vị để đầu tư mở rộng và nâng cao chất lượng hoạt động sự nghiệp, tổ chức hoạt động dịch vụ phù hợp với chức năng, nhiệm vụ. Khi thực hiện vay vốn, huy động vốn, đơn vị có phương án tài chính khả thi, tự chịu trách nhiệm trả nợ vay, lãi vay theo quy định; chịu trách nhiệm trước pháp luật về hiệu quả của việc vay vốn, huy động vốn. Việc triển khai thực hiện phải đảm bảo quy định của pháp luật hiện hành và phù hợp với lĩnh vực chuyên môn, khả năng của đơn vị.

2. Tự chủ về tổ chức bộ máy:

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, nhu cầu khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe của nhân dân, cơ cấu số lượng khoa, phòng theo quy định tại Quyết định số 1895/1997/QĐ-BYT ngày 19/9/1997 của Bộ Y tế, cơ cấu tổ chức bộ máy của đơn vị giai đoạn 2017-2019 cụ thể như sau:

- Lãnh đạo Bệnh viện: 01 Giám đốc và 02 Phó Giám đốc.
- Cơ cấu các khoa/phòng và tiến trình tổ chức thực hiện cụ thể như sau:

Năm 2017:

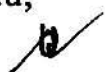
a) *Lãnh đạo Bệnh viện : Giám đốc và không quá 02 Phó Giám đốc;*

b) *Các Phòng chuyên môn nghiệp vụ: Tối đa 07 Phòng, gồm:*

- Phòng Kế hoạch tổng hợp;
- Phòng Tổ chức cán bộ;
- Phòng Tài chính kế toán;
- Phòng Hành chính quản trị;
- Phòng Điều dưỡng;
- Phòng Vật tư Y tế;
- Phòng Công tác xã hội (thành lập mới);

c) *Các Khoa, đơn vị trực thuộc: Tối đa 21 Khoa, gồm:*

- Khoa khám bệnh;
- Khoa Hồi sức Cấp cứu;



- Khoa Hồi sức tích cực – Chống độc (tách từ khoa Hồi sức Cấp cứu);
- Khoa Nội tổng hợp;
- Khoa Truyền nhiễm;
- Khoa Y học Cổ truyền;
- Khoa Vật lý trị liệu – Phục hồi chức năng (tách từ khoa Đông Y-PHCN);
- Khoa Nhi;
- Khoa Ngoại tổng hợp;
- Khoa Phụ sản;
- Khoa Mắt;
- Khoa Tai Mũi Họng (tách từ khoa TMH-RHM);
- Khoa Răng Hàm Mặt (tách từ khoa TMH-RHM);
- Khoa Phẫu thuật – Gây mê Hồi sức (đổi tên từ khoa Gây mê Hồi sức);
- Khoa Khám chữa bệnh theo yêu cầu (thành lập mới);
- Khoa Hóa sinh – Vi sinh (tách từ khoa Xét nghiệm);
- Khoa Huyết học truyền máu – Giải phẫu bệnh (tách từ khoa Xét nghiệm);
- Khoa Chẩn đoán Hình ảnh;
- Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn;
- Khoa Dược;
- Khoa Dinh dưỡng (thành lập mới).

Năm 2018:

a) Lãnh đạo Bệnh viện: (như năm 2017);

b) Các Phòng chuyên môn nghiệp vụ: (như năm 2017);

c) Các Khoa, đơn vị trực thuộc: Tối đa 23 Khoa, trên cơ sở các khoa như năm 2017, dự kiến chia tách, thành lập thêm các khoa sau:

- Khoa Nội tim mạch-Lão học (tách từ khoa Nội tổng hợp);
- Khoa Thăm dò chức năng (tách từ khoa Chẩn đoán Hình ảnh);

Năm 2019:

a) Lãnh đạo Bệnh viện: (như năm 2017);

b) Các Phòng chuyên môn nghiệp vụ: (như năm 2017);

c) Các Khoa, đơn vị trực thuộc: Tối đa 25 Khoa, trên cơ sở các khoa như năm 2017-2018, dự kiến chia tách, thành lập thêm các khoa sau:

- Khoa Hóa sinh (tách từ Khoa Hóa sinh-Vi sinh);
- Khoa Vi sinh (tách từ Khoa Hóa sinh-Vi sinh);
- Khoa Giải phẫu bệnh (tách từ khoa Huyết học truyền máu-GPB).

Căn cứ quy định về cơ cấu, tổ chức bộ máy đã được UBND tỉnh quy định trong Phương án tự chủ này và Quyết định giao quyền tự chủ, Giám đốc Bệnh viện được thực hiện quy trình và quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các khoa, phòng, đơn vị trực thuộc, khi đáp ứng các tiêu chí, điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị, nguồn nhân lực, tài chính của đơn vị theo quy định của pháp luật và các văn bản hướng dẫn hiện hành của cơ quan quản lý. Trước và sau khi ban hành quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các khoa, phòng, đơn vị trực thuộc, Bệnh viện có trách nhiệm báo cáo Sở Y tế và Sở Nội vụ để tổ chức theo dõi, kiểm tra, giám sát theo quy định hiện hành.

3. Tự chủ về nhân sự

a) Hằng năm, Bệnh viện xây dựng Đề án vị trí việc làm, Đề án điều chỉnh vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo quy định tại Nghị định 41/2012/NĐ-CP của Chính phủ và các quy định hiện hành khác, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

b) Căn cứ kế hoạch chi tiêu giường bệnh, định mức biên chế quy định tại Thông tư số 08/2007/TTLT-BYT-BNV ngày 05/06/2007 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ, các điều kiện khả năng và tình hình thực tế của đơn vị. Dự kiến biên chế, số lượng người làm việc tối thiểu, tối đa của Bệnh viện (theo chỉ tiêu giường bệnh kế hoạch giai đoạn 2017-2019), cụ thể như sau:

Năm 2017:

- Biên chế, số lượng người làm việc tối thiểu: $290 \text{ giường} \times 1,25 = 363 \text{ người}$;
- Biên chế, số lượng người làm việc tối đa: $290 \text{ giường} \times 1,4 = 406 \text{ người}$.

Năm 2018:

- Biên chế, số lượng người làm việc tối thiểu: $300 \text{ giường} \times 1,25 = 375 \text{ người}$;
- Biên chế, số lượng người làm việc tối đa: $300 \text{ giường} \times 1,4 = 420 \text{ người}$.

Năm 2019:

- Biên chế, số lượng người làm việc tối thiểu, tối đa: (Như năm 2018).

(*) Trong quá trình thực hiện Phương án, nếu Bệnh viện được nâng hạng, hoặc có sự điều chỉnh khác về chỉ tiêu giường bệnh, định mức biên chế của Nhà nước thì Bệnh viện đề nghị Sở Y tế, Sở Nội vụ trình UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

c) Căn cứ chỉ tiêu biên chế, số lượng người làm việc tối thiểu, tối đa trong Phương án tự chủ, Bệnh viện được quyết định số người làm việc tại Bệnh viện. Trước và sau khi ban hành quyết định chỉ tiêu biên chế, số lượng người làm việc, Bệnh viện có trách nhiệm báo cáo Sở Y tế và Sở Nội vụ để tổ chức theo dõi, kiểm tra, giám sát theo quy định hiện hành.

d) Căn cứ chỉ tiêu biên chế, số lượng người làm việc, định mức số lượng, cơ cấu chức danh quy định tại Thông tư số 08/2007/TTLT-BYT-BNV của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ, nhu cầu công việc, quỹ tiền lương của đơn vị. Hằng năm, Bệnh viện xây dựng kế hoạch tuyển dụng viên chức trong đó nêu rõ yêu cầu về số

lượng, chất lượng, cơ cấu viên chức cần thiết của từng tổ chức khoa, phòng, đơn vị trực thuộc.

đ) Bệnh viện được quyết định kế hoạch tuyển dụng viên chức, người lao động của đơn vị mình để đảm bảo thực hiện hoạt động chuyên môn. Trước và sau khi ban hành quyết định về kế hoạch tuyển dụng viên chức, người lao động, Bệnh viện có trách nhiệm báo cáo Sở Y tế và Sở Nội vụ để tổ chức theo dõi, kiểm tra, giám sát theo quy định hiện hành.

e) Bệnh viện được quyết định tuyển dụng viên chức thông qua thi tuyển hoặc xét tuyển; được ký kết hợp đồng lao động để thực hiện những công việc mà không cần bố trí biên chế thường xuyên và phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Trước và sau khi ban hành quyết định tuyển dụng viên chức hoặc ký kết hợp đồng lao động, Bệnh viện có trách nhiệm báo cáo Sở Y tế và Sở Nội vụ kế hoạch và kết quả thực hiện để tổ chức theo dõi, kiểm tra, giám sát theo quy định hiện hành.

g) Việc tuyển dụng viên chức và ký kết hợp đồng lao động trong Bệnh viện phải thực hiện đúng theo quy trình, quy định tại Nghị định số 29/2012/NĐ-CP của Chính phủ, Thông tư số 15/2012/TT-BNV của Bộ Nội vụ, Quyết định số 30/2017/QĐ-UBND của UBND tỉnh Nghệ An và các quy định hiện hành khác có liên quan.

h) Các chế độ chính sách đối với công chức, viên chức, hợp đồng lao động trong Bệnh viện thực hiện theo quy định của Luật cán bộ, công chức, Luật viên chức và các quy định của Pháp luật.

4. Tự chủ về tài chính

4.1. Nguồn tài chính của đơn vị

a) Nguồn tài chính được giao tự chủ

- Nguồn thu sự nghiệp từ việc cung cấp các dịch vụ khám chữa bệnh (Bao gồm khám chữa bệnh bảo hiểm y tế và viện phí). Cụ thể:

+ Nguồn thu được quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BYT-BTC ngày 29/10/2015;

+ Nguồn thu viện phí (không có BHYT): Thực hiện theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền

- Nguồn thu phí theo pháp luật quy định về phí, lệ phí, được để lại chi theo quy định (phần được để lại chi các hoạt động thường xuyên nếu có).

- Nguồn thu khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

b) Nguồn tài chính không giao tự chủ

- Nguồn ngân sách Nhà nước cấp cho các nhiệm vụ không thường xuyên (nếu có) gồm: Kinh phí thực hiện nhiệm vụ Khoa học công nghệ; Kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia; Kinh phí đối ứng thực hiện các dự án theo quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt; Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đột xuất được cấp trên giao; Kinh phí phụ cấp khu vực theo địa lý hành chính (nếu có).

- Nguồn viện trợ, tài trợ, nguồn khác theo quy định của pháp luật.



4.2. Sử dụng nguồn tài chính của đơn vị

a) Chi thường xuyên

Đơn vị được chủ động sử dụng các nguồn tài chính giao tự chủ nêu tại Điểm a, Điểm b (phần được để lại chi hoạt động thường xuyên) khoản 4.1 để chi thường xuyên, bao gồm:

- Chi tiền lương: Chi trả tiền lương theo lương ngạch, bậc, chức vụ và các khoản phụ cấp do Nhà nước quy định đối với đơn vị sự nghiệp công (kể cả khi nhà nước điều chỉnh tiền lương thì đơn vị cũng phải tự đảm bảo tiền lương tăng thêm từ nguồn thu của đơn vị).

- Chi cho các hoạt động chuyên môn, quản lý:

+ Đối với các nội dung chi đã có định mức chi theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền: Căn cứ vào khả năng tài chính, Bệnh viện được quyết định mức chi cao hơn hoặc thấp hơn so với mức chi do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành. Việc thực hiện phải được quy định rõ trong Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị (Quy chế chi tiêu nội bộ được đơn vị xây dựng, bổ sung và thông qua Hội nghị cán bộ, viên chức và người lao động hằng năm và báo cáo xin ý kiến của cơ quan có thẩm quyền theo quy định hiện hành). Riêng đối với định mức sử dụng xe ô tô, nhà làm việc, trang bị điện thoại công vụ tại nhà riêng, công tác phí nước ngoài, tiếp khách nước ngoài...: Đơn vị không được quyết định mức chi cao hơn mức quy định của Nhà nước.

+ Đối với các nội dung chi chưa có định mức chi theo quy định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền: Căn cứ tình hình thực tế, đơn vị xây dựng định mức chi cho phù hợp và được quy định cụ thể trong Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

+ Căn cứ vào tính chất công việc, Thủ trưởng đơn vị có quyền quyết định phương thức khoán chi cho từng bộ phận, khoa/phòng trực thuộc nhằm sử dụng nguồn kinh phí tiết kiệm, hiệu quả.

- Trích khấu hao tài sản cố định theo quy định: Số kinh phí thu khấu hao được hạch toán vào Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của Bệnh viện để duy tu, bảo dưỡng, bảo trì, đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, mua sắm trang thiết bị phục vụ cho hoạt động chuyên môn. Số thu khấu hao của các tài sản hình thành từ nguồn vốn vay, vốn huy động được sử dụng để chi trả gốc tiền vay, lãi vay theo các hợp đồng vay vốn, huy động vốn.

b) Chi nhiệm vụ không thường xuyên

Đơn vị chi theo quy định của Luật ngân sách, pháp luật và quy định hiện hành đối với từng nguồn kinh phí được nêu tại điểm b khoản 4.1.

4.3. Phân phối kết quả tài chính trong năm

Phân phối kết quả tài chính trong năm theo quy định tại Khoản 3 Điều 12 Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập và các văn bản quy định hiện hành khác của Nhà nước.



Việc sử dụng các nguồn quỹ được thực hiện trên nguyên tắc hợp lý, đúng mục đích, hiệu quả theo các quy định của Nghị định số 16/2015/NĐ-CP; Nghị định số 85/2012/NĐ-CP ngày 15/10/2012 của Chính phủ và các văn bản quy định hiện hành khác của nhà nước. Giám đốc Bệnh viện quyết định việc sử dụng các loại quỹ trên cơ sở quy định của pháp luật và Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

4.4. Tự chủ trong quản lý, sử dụng nguồn thu và giao dịch tài chính

Việc tự chủ trong quản lý, sử dụng nguồn thu và giao dịch tài chính được thực hiện theo quy định tài Điều 21 của Nghị định số 85/2012/NĐ-CP ngày 15/10/2012; Điều 16, 17 của Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ và các văn bản quy định hiện hành khác của Nhà nước.

4.5. Về dự toán thu – chi cho hoạt động thường xuyên dự kiến trong 3 năm (Có Phụ lục 03 kèm theo).

Phần III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bệnh viện Đa khoa Khu vực Tây Bắc Nghệ An

Tổ chức xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Phương án tự chủ, tự chịu trách nhiệm của đơn vị theo lộ trình được phê duyệt, đảm bảo đúng quy định của pháp luật, chỉ đạo của UBND tỉnh và Sở Y tế.

Định kỳ 06 tháng và cả năm báo cáo UBND tỉnh và Sở Y tế kết quả triển khai thực hiện. Tổ chức đánh giá, tổng kết, rút kinh nghiệm việc triển khai thực hiện sau khi Phương án tự chủ giai đoạn 2017 – 2019 kết thúc, đồng thời đề xuất loại hình hoạt động của Bệnh viện trong thời gian tiếp theo.

2. Sở Y tế

Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát và tạo mọi điều kiện để Bệnh viện Đa khoa Khu vực Tây bắc Nghệ An thực hiện Phương án tự chủ, tự chịu trách nhiệm được phê duyệt theo đúng nội dung, mục đích và quy định của pháp luật.

3. Sở Tài chính

Phối hợp Sở Y tế để hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính của Bệnh viện Đa khoa Khu vực Tây bắc Nghệ An theo đúng quy định hiện hành.

4. Sở Nội vụ

Phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan có liên quan tham mưu/giúp UBND tỉnh quản lý nhà nước về công tác tổ chức bộ máy, tuyển dụng, sử dụng công chức, viên chức, hợp đồng lao động ... đối với Bệnh viện Đa khoa Khu vực Tây Bắc Nghệ An theo quy định của pháp luật.

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Hàng năm cân đối nguồn kinh phí, tham mưu UBND tỉnh hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất trang thiết bị y tế cho Bệnh viện Đa khoa Khu vực Tây Bắc Nghệ An (ngoài danh mục tự chủ).

6. Sở Thông tin và Truyền thông

Phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan liên quan chỉ đạo đẩy mạnh công tác truyền thông về công tác xã hội hóa trong lĩnh vực y tế, trong đó chú trọng truyền thông về mô hình tự chủ, tự chịu trách nhiệm của Bệnh viện Đa khoa Khu vực Tây Bắc Nghệ An.

7. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh

Chỉ đạo UBMT các huyện, thành phố và các tổ chức thành viên phối hợp với ngành y tế tuyên truyền về công tác xã hội hóa trong lĩnh vực y tế, trong đó có phương án tự chủ, tự chịu trách nhiệm của Bệnh viện Đa khoa Khu vực Tây Bắc Nghệ An.

8. Các sở, ngành liên quan

Phối hợp với Sở Y tế tạo điều kiện giúp đỡ Bệnh viện Đa khoa Khu vực Tây Bắc Nghệ An tổ chức triển khai thực hiện tốt Phương án này.

Trên đây là Phương án tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính giai đoạn 2017-2019 của Bệnh viện Đa khoa Khu vực Tây Bắc Nghệ An. Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan đánh giá hiệu quả hoạt động của Bệnh viện sau khi kết thúc Phương án tự chủ giai đoạn 2017-2019 để tham mưu UBND tỉnh xem xét quyết định về loại hình hoạt động của Bệnh viện trong thời gian tiếp theo.

Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các sở, ngành, căn cứ phương án này để triển khai thực hiện. Trong quá trình triển khai, nếu gặp các vấn đề phát sinh, bất cập các đơn vị gửi ý kiến (bằng văn bản) về Sở Y tế để tổng hợp, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh ./.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Minh Thông

PHỤ LỤC SỐ 01:**DANH SÁCH CÁC TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HIỆN CÓ CỦA BỆNH VIỆN***(Kèm theo Phương án tự chủ của Bệnh viện ĐKKV Tây Bắc Nghệ An giai đoạn 2017-2019)***Phê duyệt tại Quyết định số 100/QĐ-UBND, ngày 15/5/2017 của UBND tỉnh)**

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Tình trạng hoạt động
1	Máy chụp cắt lớp vi tính 16 lát cắt	1	Hoạt động tốt
2	Máy hút dịch phẫu thuật	1	Hoạt động tốt
3	Máy hút liên tục áp lực thấp	6	Hoạt động tốt
4	Máy kéo giãn cột sống JYZ-IIIB	1	Hoạt động tốt
5	Máy khoan răng hàm mặt- Hàn quốc	1	Hoạt động tốt
6	Máy Laze châm cứu	2	Hoạt động tốt
7	Máy lắ túi máu	1	Hoạt động tốt
8	Máy lấy cao răng siêu bền (CK)	1	Hoạt động tốt
9	Máy li tâm	2	Hoạt động tốt
10	Bơm tiêm điện Terufusion	11	Hoạt động tốt
11	Buồng rửa phim	1	Hoạt động tốt
12	Dao mổ điện kỹ thuật số	1	Hoạt động tốt
13	Đầu đọc x quang kỹ thuật số ICR3600	1	Hoạt động tốt
14	Ghế máy răng	1	Hoạt động tốt
15	Ghế tập luyện cơ tứ đầu đùi	1	Hoạt động tốt
16	Hệ thống nội soi đại tràng, trực tràng có hệ thống camera và máy rửa siêu âm ống nội soi, bộ bảo trì và kiểm tra rò rỉ	1	Hoạt động tốt
17	Hệ thống nội soi phẫu thuật ổ bụng	1	Hoạt động tốt
18	Hệ thống triệt trùng	1	Hoạt động tốt
19	Lồng ấp trẻ sơ sinh	2	Hoạt động tốt
20	Kính hiển vi hai mắt kèm máy ảnh kỹ thuật số	1	Hoạt động tốt
21	Kính hiển vi mổ mắt (ANESVAV)	1	Hoạt động tốt
22	Kính hiển vi phẫu thuật không có	1	Hoạt động tốt

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Tình trạng hoạt động
	camera		
23	Máy cắt lát vi thể quay tay	1	Hoạt động tốt
24	Máy chạy thận nhân tạo cá nhân	2	Hoạt động tốt
25	Máy chiếu thị lực ACP-8	2	Hoạt động tốt
26	Máy đếm công thức BC	1	Hoạt động tốt
27	Máy đếm tế bào 18 thông số	1	Hoạt động tốt
28	Máy Điện tim	8	Hoạt động tốt
29	Máy điều trị điện xung phân	1	Hoạt động tốt
30	Máy đo tốc độ lắng máu	1	Hoạt động tốt
31	Máy đốt điện sản khoa	1	Hoạt động tốt
32	Máy Gây mê	2	Hoạt động tốt
33	Máy sắc thuốc ST16	1	Hoạt động tốt
34	Máy thở không xâm nhập CPAP cho trẻ sơ sinh	5	Hoạt động tốt
35	Máy truyền dịch	6	Hoạt động tốt
36	Máy xét nghiệm huyết học 20 thông số	1	Hoạt động tốt
37	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động	1	Hoạt động tốt
38	Máy xét nghiệm nước tiểu	1	Hoạt động tốt
39	Máy XN tự động	1	Hoạt động tốt
40	Máy Xquang di động	2	Hoạt động tốt
41	Máy xung điện	1	Hoạt động tốt
42	Máy Zaval kê (OBis tài trợ)	1	Hoạt động tốt
43	Máy Monitor theo dõi bệnh nhân	27	Hoạt động tốt
44	Máy phân tích đông máu tự động	1	Hoạt động tốt
45	Dao mổ cắt đốt	1	Hoạt động tốt
46	Điện não đồ vi tính 24 kênh	1	Hoạt động tốt
47	Máy nội soi tiêu hóa	1	Hoạt động tốt
48	Máy nội soi tai mũi họng	3	Hoạt động tốt

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Tình trạng hoạt động
49	Máy soi cổ tử cung	1	Hoạt động tốt
50	Máy tán sỏi ngoài cơ thể	1	Hoạt động tốt
51	Máy TPT huyết học 18 thông số KX21	1	Hoạt động tốt
52	Giàn mổ nội soi	1	Hoạt động tốt
53	Máy điện não đồ vi tính	1	Hoạt động tốt
54	Máy sốc điện (Máy phá rung)	1	Hoạt động tốt
55	Máy tạo Oxy (Sàn), ANESVAV	1	Hoạt động tốt
56	Máy tháo lồng ruột	1	Hoạt động tốt
57	Máy Siêu âm mắt	1	Hoạt động tốt
58	Máy siêu âm đen trắng xách tay DP10	1	Hoạt động tốt
59	Máy siêu âm điều trị (ANESVAV)	1	Hoạt động tốt
60	Máy siêu âm màu E-cube9	1	Hoạt động tốt
61	Máy sinh hiển vi khám mắt SL-2G	1	Hoạt động tốt
62	Máy phân tích nước tiểu	5	Hoạt động tốt
63	Máy phẫu thuật siêu cao tần	1	Hoạt động tốt
64	Máy Quang kế	1	Hoạt động tốt
65	Máy nha khoa khoan răng	1	Hoạt động tốt

PHỤ LỤC SỐ 02:**BÁO CÁO THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2014-2016***(Kèm theo Phương án tự chủ của Bệnh viện ĐKKV Tây Bắc Nghệ An giai đoạn 2017-2019)***Phê duyệt tại Quyết định số 1919/QĐ-UBND, ngày 15/5/2017 của UBND tỉnh)***ĐVT: đồng*

STT	Nội dung	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
I	Thu thường xuyên	75.913.399.488	84.865.801.397	133.088.249.000
1	Nguồn Ngân sách Nhà nước cấp	23 624 250 000	23 896 333 000	30.913.786.000
2	Nguồn thu Bảo hiểm y tế	39.726.125.372	47.187.161.336	88.398.477.000
3	Nguồn thu viện phí	12.217.478.316	12.317.012.725	12.361.656.000
4	Nguồn thu dịch vụ khác	345.545.800	1.465.294.336	1.414.330.000
II	Chi thường xuyên	66.897.090.268	75.044.577.064	114.588.249.000
1	Tiền lương	11.836.063.000	12.373.751.400	13.152.545.000
2	Phụ cấp lương	9.840.214.000	8.765.823.100	16.081.856.000
3	Các khoản đóng góp	2.799.223.900	2.892.829.801	2.901.849.000
4	Thanh toán dịch vụ công cộng	161.835.869	379.918.665	720.662.500
5	Vật tư văn phòng	234.272.816	214.766.400	159.941.500
6	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	131.978.338	121.231.649	86.904.000
7	Công tác phí	222.922.000	354.390.000	410.210.000
8	Sửa chữa tài sản, duy tu, bảo dưỡng các công trình hạ tầng cơ sở	2.949.824.672	3.643.291.911	7.610.558.000
9	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn	35.906.402.732	42.567.550.001	62.582.799.000
10	Chi khác	1.929.733.941	417.937.452	1.307.456.000
11	Mua sắm TS dùng cho công tác chuyên môn	884.619.000	3.313.086.685	9.573.468.000
III	Trích 35% bù lương	1.864.704.220	1.147.415.876	3.500.000.000
IV	Chênh lệch thu, chi trích lập các quỹ (IV=I-II-III)	7.151.605.000	7.000.000.000	15.000.000.000
1	Quỹ thu nhập tăng thêm	2.580.000.000	2.800.000.000	6.750.000.000
2	Quỹ Phát triển hoạt động sự nghiệp	1.669.105.000	1.050.000.000	2.250.000.000
3	Quỹ Phúc lợi	645.000.000	700.000.000	1.500.000.000
4	Quỹ Khen thưởng	2.257.500.000	2.450.000.000	4.500.000.000

PHỤ LỤC SỐ 03

DỰ TOÁN THU, CHI
HOẠT ĐỘNG THƯỜNG XUYÊN DỰ KIẾN GIAI ĐOẠN 2017 – 2019
(Kèm theo Phương án tự chủ của Bệnh viện ĐKKV Tây Bắc Nghệ An giai đoạn 2017-2019)
Phê duyệt tại Quyết định số 199/QĐ-UBND, ngày 15/5/2017 của UBND tỉnh)

ĐVT: đồng

STT	Nội dung	Dự kiến năm 2017	Dự kiến năm 2018	Dự kiến năm 2019	Ghi chú
I	Thu thường xuyên	123.898.477.000	134.600.000.000	138.600.000.000	Năm 2017 đã cộng thêm phần CL tăng giá viện phí giữa mức giá áp dụng từ 1/3 và 1/7 (nguồn BHYT): 22.000.000.000 đ.
1	Nguồn thu Bảo hiểm y tế	110.398.477.000	118.000.000.000	120.000.000.000	
2	Nguồn thu viện phí	12.000.000.000	15.000.000.000	17.000.000.000	
3	Nguồn thu dịch vụ khác	1.500.000.000	1.600.000.000	1.600.000.000	
II	Chi thường xuyên	112.495.061.000	118.676.977.100	123.274.674.810	
1	Tiền lương	13.729.000.000	15.101.900.000	16.612.090.000	Tổng quỹ lương 2017: 27.628.161.000
2	Phụ cấp lương, trực, phẫu thuật, ngoài giờ	13.597.241.000	14.956.965.100	16.452.661.610	
3	Các khoản đóng góp	3.561.920.000	3.918.112.000	4.309.923.200	Tổng quỹ lương 2018: 30.390.977.000
4	Thanh toán dịch vụ công cộng	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	
5	Vật tư văn phòng	350.000.000	350.000.000	350.000.000	Tổng quỹ lương 2019: 33.430.074.000
6	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	250.000.000	250.000.000	250.000.000	
7	Công tác phí	450.000.000	450.000.000	450.000.000	
8	Sửa chữa tài sản, duy tu, bảo dưỡng các công trình hạ tầng cơ sở hạ tầng	3.000.000.000	2.500.000.000	1.500.000.000	
9	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn	70.056.900.000	73.150.000.000	75.350.000.000	
10	Chi khác	2.500.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	
11	Mua sắm TS dùng cho công tác chuyên môn	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	
III	Chênh lệch thu, chi trích lập các quỹ (III=I-II)	11.403.416.000	15.923.022.900	15.325.325.190	
1	Quỹ thu nhập tăng thêm (50%)	5.701.708.000	7.961.511.450	7.662.662.595	
2	Quỹ Phát triển hoạt động sự nghiệp (25%)	2.850.854.000	3.980.755.725	3.831.331.298	
3	Quỹ Phúc lợi (15%)	1.710.512.400	2.388.453.435	2.298.798.779	
4	Quỹ Khen thưởng (10%)	1.140.341.600	1.592.302.290	1.532.532.519	